

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2723 /UBND-NN

Bạch Thông, ngày 15 tháng 12 năm 2021

V/v chỉ đạo sản xuất vụ Xuân năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Văn bản số 2657/SNN-TT,BVTV&QLCL ngày 13/12/2021 của sở Nông nghiệp và PTNT về việc chỉ đạo sản xuất vụ xuân năm 2022, UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn chỉ đạo triển khai thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Về thời vụ và cơ cấu giống gieo trồng

- Cây lúa: Thời gian gieo mạ xung quanh tiết lập xuân (mùng 4 tháng 2), lưu ý cần áp dụng biện pháp làm mạ có che phủ nilon để chống rét; phân đầu cây tập trung trong tháng 2, đầu tháng 3, kết thúc gieo cấy trước ngày 15/3/2022.

Bố trí các nhóm giống lúa có cùng thời gian sinh trưởng theo từng vùng sản xuất để thuận lợi cho chăm sóc, quản lý sâu bệnh và thu hoạch, cụ thể như sau:

+ Nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 115 - 120 ngày, gồm có Khang dân 18, lúa Japonica VAAS16 (QJ4), Việt Lai 20, Hà Phát 3, HDT10, BQ, CNC11.

+ Nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 125 - 130 ngày, gồm có giống Nhị ưu 838, 27P31, Ly2099, LP1601, Syn 98, Đại dương 1.

+ Nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 132 - 135 ngày, gồm có Sán ưu 63 (Tạp giao 1), lúa Japonica J02.

Lưu ý: Đối với các giống lúa chất lượng có nguy cơ nhiễm bệnh đạo ôn cao như Japonica J02, Ly 2099... các địa phương cần chú ý trong việc xác định vùng sản xuất cho phù hợp, không đưa vào sản xuất tại các vùng có điều kiện thời tiết đặc thù thường xuyên có bệnh đạo ôn xuất hiện, gây hại; thường xuyên kiểm tra, khuyến cáo người dân biện pháp phòng trừ; khuyến cáo người dân sản xuất khi có hợp đồng liên kết tiêu thụ.

Đối với các địa phương có điều kiện thời tiết đặc thù, thường xuyên xuất hiện bệnh đạo ôn gây hại, cần khuyến cáo sử dụng các giống đã được gieo cấy tại địa phương nhiều vụ (3 vụ trở lên) cho năng suất, chất lượng và có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt; không đưa các giống chưa được đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh tại địa phương vào sản xuất; chủ động áp dụng các biện pháp phòng trừ hợp lý ngay từ giai đoạn mạ, hạn chế bệnh phát sinh, phát triển, ảnh hưởng đến sản xuất.

(Gửi kèm theo văn bản này Hướng dẫn kỹ thuật gieo trồng một số giống lúa mới của sở Nông nghiệp và PTNT)

Đối với những diện tích sản xuất lúa hữu cơ, cần lưu ý thực hiện các quy định về chuyển đổi sản xuất thông thường sang sản xuất hữu cơ và ưu tiên lựa chọn các giống lúa thuần, giống địa phương phù hợp với điều kiện đất đai, điều kiện thời tiết của địa phương, có khả năng chống chịu tốt với các đối tượng sâu

bệnh hại chính, không sử dụng các giống biến đổi gen, các giống đã qua xử lý bằng hóa chất.

- Cây ngô: Đối với đất ruộng, soi bãi bắt đầu trồng từ giữa tháng 2, trồng xong trước 15/3; đất đồi bắt đầu trồng từ đầu tháng 3, xong trước 30/4. Sử dụng các giống ngô lai có tiềm năng năng suất như: NK4300, CP511, Biosed 9698, AG59, HN68, HN88; giống ngô biến đổi gen NK4300 Bt/GT có khả năng kháng sâu đục thân và sâu keo mùa thu cao; giống ngô NK 7328 để sản xuất ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi.

Lưu ý: Không sử dụng các giống ngô biến đổi gen cho sản xuất hữu cơ.

- Cây thuốc lá: Chỉ đạo trồng xong trong tháng 01/2022.

- Cây dong riềng: Sử dụng các giống DR1, giống dong riềng địa phương. Căn cứ vào quy hoạch vùng trồng, khả năng liên kết tiêu thụ sản phẩm, hướng dẫn nông dân lựa chọn những diện tích phù hợp, chuẩn bị giống, phân bón để trồng năm 2022. Thời gian trồng từ tháng 01 đến hết tháng 3; tổ chức trồng rải vụ để đảm bảo sản lượng củ dong riềng khi thu hoạch phù hợp với khả năng tiêu thụ, chế biến; chọn giống tại những diện tích không nhiễm bệnh; chọn củ nhánh có chồi mầm tròn chưa mọc thành cây, không trồng củ quá non hoặc quá già.

- Cây khoai môn: Tập trung trồng trong tháng 02 đến đầu tháng 3 năm 2022.

- Cây khoai lang: Sử dụng giống khoai lang ăn củ chất lượng cao như Hoàng Long (thời gian sinh trưởng từ 85- 95 ngày), các giống khoai lang ăn lá, làm thức ăn chăn nuôi. Thời gian trồng từ cuối tháng 2 đến hết tháng 3 năm 2022.

- Đối với đậu tương, lạc: Sử dụng các giống đậu tương ngắn ngày, có tiềm năng năng suất cao, gồm các giống DT84, DT90, DT96, VX9-3; các giống lạc như: Lạc đỏ, L14, L27, L29. Thời gian trồng từ giữa tháng 2, kết thúc gieo trồng trong tháng 3 năm 2022.

- Cây mía: Tập trung trồng từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2022, lưu ý các biện pháp tưới nước giai đoạn đầu để cây bật mầm, đẻ nhánh khỏe.

- Cây gừng, nghệ: Tập trung trồng trong tháng 2, tháng 3, lưu ý các biện pháp chọn và xử lý củ giống trước khi trồng để hạn chế bệnh hại phát sinh.

- Cây chè: Tập trung trồng trong tháng 2, 3 và tháng 8, 9 năm 2022 khi đất đủ ẩm; lưu ý biện pháp thiết kế, kiến thiết cơ bản, không nên trồng dày quá để thuận tiện cho việc chăm sóc, thu hoạch. Thường xuyên kiểm tra, trồng dặm, tủ gốc giữ ẩm cho cây.

- Rau đậu các loại: Tùy từng loại rau, đậu để lựa chọn khung thời vụ phù hợp với mục đích quay vòng đất nhanh, đảm bảo an toàn thực phẩm, đất đai, nhu cầu thị trường, tập quán và kinh nghiệm canh tác.

- Cây ăn quả các loại: Tập trung chăm sóc, cải tạo thâm canh diện tích cam, quýt hiện có để tăng năng suất, chất lượng. Triển khai diện tích trồng mới cây cam sành và các loại cây ăn quả khác theo kế hoạch. Tập trung trồng trong tháng 2, 3 và tháng 8, 9 năm 2022 khi đất đủ ẩm.

Lưu ý: Đối với các loại cây ăn quả đặc sản, cây chè, dong riềng...các địa phương cần chủ động trong việc triển khai đạt mục tiêu tại các Kế hoạch thực hiện Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2035, đặc biệt là việc xác định vùng trồng theo quy trình ATTP, VietGAP, hữu cơ và chuẩn bị nguồn giống trồng mới đảm bảo chất lượng.

2. Hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật canh tác

- Làm đất: Chỉ đạo, hướng dẫn các hộ nông dân thực hiện phát dọn vệ sinh đồng ruộng, đối với đất trồng lúa cần phải cày ải hoặc ngâm dầm những diện tích không trồng cây vụ Đông, nhằm hạn chế các độc tố gây hại cây trồng và giúp tiêu diệt mầm mống dịch hại trong đất, tập trung cày xong trong tháng 01/2022; đối với đất ruộng, soi bãi, đất đòi làm đất hợp lý để giảm thiểu sự xói mòn, rửa trôi và thoát nước tốt khi mưa lũ xảy ra.

- Các biện pháp kỹ thuật đối với từng loại cây trồng từ khâu gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch, cụ thể:

+ Đối với cây lúa: Tiếp tục mở rộng diện tích áp dụng kỹ thuật canh tác lúa cải tiến (SRI); chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), diện tích sản xuất lúa hàng hóa.

+ Đối với cây ngô: Áp dụng biện pháp kỹ thuật thâm canh để phát huy tối đa tiềm năng, năng suất của giống; diện tích ngô trồng trên đất đòi áp dụng phương pháp canh tác bền vững trên đất dốc như trồng theo băng kết hợp trồng cây phân xanh giảm thiểu sự xói mòn, rửa trôi.

+ Cây chất bột (dong riềng, khoai môn, khoai tây, khoai lang): Áp dụng phương pháp canh tác bền vững và quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).

+ Cây rau, đậu các loại: Áp dụng sản xuất theo hướng thâm canh, đảm bảo an toàn thực phẩm; khuyến khích mở rộng diện tích sản xuất rau đạt chứng nhận an toàn thực phẩm.

+ Cây công nghiệp: Tăng cường liên kết sản xuất theo quy trình sản xuất an toàn, sản xuất được chứng nhận như VietGAP, hữu cơ, ...

+ Cây ăn quả: Tăng cường chăm sóc, bón phân, cắt tỉa và quản lý sâu bệnh hại, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng phát triển thuận lợi, nhằm đạt năng suất, chất lượng tốt.

- Phân bón: Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh; sử dụng phân bón vô cơ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo an toàn thực phẩm và môi trường.

Lưu ý: Khuyến khích người dân sản xuất gắn với các tổ chức liên kết sản xuất- tiêu thụ, áp dụng theo quy trình sản xuất ATTP, VietGAP, hữu cơ nhằm tăng giá trị kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường.

3. Công tác chuẩn bị vật tư nông nghiệp

Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng trên địa bàn chuẩn bị cung ứng các loại giống cây trồng theo chỉ đạo cơ cấu giống của ngành đảm bảo

đủ số lượng, chất lượng; tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT về tình hình cung ứng giống trước thời vụ sản xuất.

Tăng cường công tác quản lý việc cung ứng giống cây trồng, các loại vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo chất lượng hàng hóa, không để các loại giống, vật tư nông nghiệp kém chất lượng cung ứng cho người sản xuất.

4. Công tác khác

Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật từ đầu vụ trên các phương tiện thông tin đại chúng như truyền thanh cơ sở để nông dân biết và gieo trồng đúng cơ cấu giống cây trồng, thực hiện nghiêm về thời vụ và các biện pháp kỹ thuật.

Thực hiện tốt công tác báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất khi có thiên tai, dịch hại xảy ra để có biện pháp xử lý kịp thời.

Chủ động ứng phó và có giải pháp khắc phục kịp thời các điều kiện thời tiết bất lợi như rét đậm, rét hại, hạn hán và sâu bệnh hại nhằm giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất vụ Xuân năm 2022.

Với nội dung trên, UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên (thực hiện);
- Sở NN&PTNT (B/c);
- Chi cục TT, BVTV&QLCL;
- TT.HU, HUBND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBMTTQ và các đoàn thể huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Trung tâm DVNN huyện;
- Trung tâm Văn hóa TT&TT huyện;

Gửi bản giấy:

- Cửa hàng Vật tư NN huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Kiệt

HƯỚNG DẪN
KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA BQ
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày 16 tháng 12 năm 2021
của UBND huyện Bạch Thông)

I. Đặc điểm, nguồn gốc giống

BQ là giống lúa thuần chất lượng cao do GS - TS KH Trần Duy Quý và cộng sự nghiên cứu chọn tạo, giống đã được chuyển giao bản quyền cho Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Thái Bình từ tháng 6 năm 2016. Là giống ngắn ngày, cảm ôn gieo cấy được cả hai vụ trong năm. Có thời gian sinh trưởng khu vực Bắc bộ vụ xuân 120-125 ngày. Cao cây từ 105-110 cm, đẻ nhánh khá, gọn bộ lá đứng, màu xanh trung bình, hạt thon dài, màu vàng sáng, trọng lượng 1000 hạt 21-22gram. Gạo trong không bạc bụng, cơm trắng, dẻo, thơm, vị đậm, dễ ngui vẫn dẻo. Năng suất bình quân 70-75 tạ/ha, thâm canh tốt có thể đạt 75-80 tạ/ha. Giống chống chịu sâu bệnh khá, chịu thâm canh, cứng cây, chịu rét và chống đổ tốt, độ thuần đồng ruộng cao.

II. Kỹ thuật sản xuất

1. Thời vụ

- Vụ xuân: Gieo mạ từ ngày 01-05/2 cấy trong tháng 2.
- Vụ Mùa: Gieo mạ từ ngày 01-05/7 cấy trong tháng 7. Có thể làm mùa sớm gieo mạ từ ngày 05 – 25/6 cấy tuổi mạ 10-15 ngày.

2. Gieo cấy

- Lượng giống: 40 – 45 kg/ha.
- Ngâm ủ giống: Đối với giống chuyển vụ (thóc mới thu hoạch): Ngâm 60-72 tiếng, cứ 24 tiếng thay nước 1 lần sau đó đãi sạch, ủ kỹ (như ở vụ xuân), khi nứt nanh (trắng mép đều) thì ngâm ủ bình thường. Đối với giống không chuyển vụ ngâm trong nước sạch 48 tiếng ở vụ xuân, 36 tiếng ở vụ mùa, trong thời gian ngâm cứ 12 tiếng phải đãi và thay nước 1 lần, khi hạt thóc đã hút no nước đãi sạch, để ráo nước rồi đem ủ. Trong quá trình ủ phải thường xuyên kiểm tra, khi mộng đạt yêu cầu thì đem gieo.

Lưu ý: Che phủ nilon cho luống mạ trong vụ Xuân.

- Tuổi mạ cấy:

Vụ xuân: Cấy khi mạ đạt 2-3 lá (mạ nền), 4-4,5 lá (mạ dục).

Vụ Mùa: Cấy khi mạ được 10-12 ngày (mạ nền), 15-18 ngày (mạ dục).

- Mật độ cấy: 30 – 35 khóm/m², 2-3 danh/khóm.

3. Chăm sóc

- Giữ đủ nước, bón phân sớm cho lúa đẻ sớm, tập trung.
- Bón phân: Giống lúa BQ là giống lúa chịu thâm canh, để đạt năng suất cao cần bón phân cân đối, tập trung. Lượng phân bón tùy theo loại đất canh tác.

Lượng phân bón trung bình cho 01 ha:

STT	Loại phân	ĐVT	Lượng phân
1	Phân hữu cơ(đã ủ hoai mục)	kg	10.000
2	Super lân	kg	500
3	Đạm ure	kg	200

4	Kali clorua	kg	180
---	-------------	----	-----

Cách bón:

Bón lót: Khi bừa cấy, bón 100% phân hữu cơ + phân super lân.

Bón thúc lần 1: Khi lúa bén rễ hồi xanh, bón 2/3 lượng Đạm urê + 1/3 lượng Kali clorua, kết hợp làm cỏ, sục bùn.

Bón thúc lần 2: Khi lúa có khối sơ khởi, bón 2/3 lượng Kali clorua, 1/3 lượng Đạm urê (đối với Đạm urê cần căn cứ vào màu sắc lá để quyết định có bón hay không)

Đối với phân NPK, hoặc các loại phân bón khác khi sử dụng phải đảm bảo lượng dinh dưỡng nguyên chất tương đương với định mức phân đơn.

- Phòng trừ sâu bệnh hại: Thường xuyên thăm đồng, kiểm tra phát hiện sớm sâu bệnh hại, áp dụng các biện pháp phòng trừ theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn địa phương.

4. Thu hoạch: Gặt kịp thời khi có khoảng 85-90% số hạt/bông đã chín. Phơi khô đến độ ẩm 14%/.

HƯỚNG DẪN
KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA CNC11
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày 16 tháng 12 năm 2021
của UBND huyện Bạch Thông)

I. Đặc điểm, nguồn gốc giống

Giống lúa CNC11 là giống lúa thơm, chất lượng cao do tác giả Đồng Thị Kim Cúc cùng các cộng sự chọn tạo, giống đã được chuyển giao quyền sở hữu cho Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Thái Bình từ tháng 01 năm 2019. Là giống ngắn ngày, cảm ôn gieo cấy được cả hai vụ trong năm. Có thời gian sinh trưởng khu vực Bắc bộ vụ xuân 115-125, vụ mùa 95-100 ngày. Chiều cao cây 105-110 cm, đẻ nhánh khỏe tập trung, gọn khóm. Dạng hạt thon nhỏ, màu vàng sẫm, bông to nhiều hạt(250-300 hạt/bông), xếp xít, tỷ lệ hạt chắc cao. Trọng lượng 1000 hạt 24 - 25 gram. Năng suất trung bình 60 - 65 tạ/ha, thâm canh đạt 65 - 70 tạ/ha. Phẩm chất gạo ngon, cơm thơm, mềm, có vị đậm. Chống đổ trung bình, chịu rét tốt, chịu chua, chịu mặn khá.

II.Kỹ thuật sản xuất

1. Thời vụ

- Vụ Xuân: Gieo mạ từ ngày 25/1-10/2
- Vụ Mùa: Gieo mạ từ ngày 15/5 -15/6

2. Gieo cấy

- Lượng giống: 40 – 45 kg/ha.
- Ngâm ủ giống: Đối với giống chuyển vụ (thóc mới thu hoạch): Ngâm 60-72 tiếng, cứ 24 tiếng thay nước 1 lần sau đó đãi sạch, ủ kỹ (như ở vụ xuân), khi nứt nanh (trắng mép đều) thì ngâm ủ bình thường. Đối với giống không chuyển vụ ngâm trong nước sạch 48 tiếng ở vụ xuân, 36 tiếng ở vụ mùa, trong thời gian ngâm cứ 12 tiếng phải đãi và thay nước 1 lần, khi hạt thóc đã hút no nước đãi sạch, để ráo nước rồi đem ủ. Trong quá trình ủ phải thường xuyên kiểm tra, khi mộng đạt yêu cầu thì đem gieo.

Lưu ý: Che phủ nilon cho luống mạ trong vụ Xuân.

- Tuổi mạ cấy:

Vụ xuân: Cây khi mạ được 2-3 lá.

Vụ Mùa: Cây khi mạ được 10-12 ngày.

- Mật độ cấy: 30 – 35 khóm/m², 2-3 danh/khóm.

3. Chăm sóc

- Giữ đủ nước, bón phân sớm cho lúa đẻ sớm, tập trung.
- Bón phân: Giống lúa CNC11 là giống lúa chịu thâm canh, để đạt năng suất cao cần bón phân cân đối, tập trung. Lượng phân bón tùy theo loại đất canh tác.

Lượng phân bón trung bình cho 01 ha:

STT	Loại phân	ĐVT	Lượng phân
1	Phân hữu cơ(đã ủ hoai mục)	kg	10.000
2	Super lân	kg	500
3	Đạm ure	kg	200
4	Kali clorua	kg	180

Cách bón:

Bón lót: Khi bừa cấy, bón 100% phân hữu cơ + phân super lân.

Bón thúc lần 1: Khi lúa bén rễ hồi xanh, bón 2/3 lượng Đạm urê + 1/3 lượng Kali clorua, kết hợp làm cỏ, sục bùn.

Bón thúc lần 2: Khi lúa có khối sơ khởi, bón 2/3 lượng Kali clorua, 1/3 lượng Đạm urê (đối với Đạm ure cần căn cứ vào màu sắc lá để quyết định có bón hay không)

Đối với phân NPK, hoặc các loại phân bón khác khi sử dụng phải đảm bảo lượng dinh dưỡng nguyên chất tương đương với định mức phân đơn.

- Phòng trừ sâu bệnh hại: Thường xuyên thăm đồng, kiểm tra phát hiện sớm sâu bệnh hại, áp dụng các biện pháp phòng trừ theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn địa phương.

4. Thu hoạch: Gặt kịp thời khi có khoảng 85-90% số hạt/bông đã chín. Phơi khô đến độ ẩm 14%/.

HƯỚNG DẪN
KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA LAI 3 DÒNG LY2099
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND
huyện Bạch Thông)

I. Đặc điểm, nguồn gốc giống

Giống lúa lai F1-3 dòng LY2099 đã được cấp “Bằng bảo hộ giống cây trồng số 13.VN.2018” và được sản xuất, kinh doanh bởi Công ty TNHH Hạt giống Việt theo “Bản hiệp ước chuyển nhượng quyền độc quyền khai thác số LDS/VS 16001 ngày 30/09/2016”.

- LY2099 là giống cảm ôn, có thể gieo trồng được tất cả các vụ trong năm. Thời gian sinh trưởng tại miền Bắc: Vụ xuân (125-130 ngày), vụ mùa (105-110 ngày).

- Giống đẻ nhánh khỏe; cứng cây, chống đổ tốt; lá đứng, màu xanh vàng; bông dài, nhiều hạt, khối lượng 1.000 hạt từ (29,3-30,5 gam); sạch sâu bệnh; thích hợp thâm canh, năng suất cao, tiềm năng đạt (8-9 tấn/ha).

- Hạt gạo LY2099 dài (7,59mm), hàm lượng amylose (14,83%), tỷ lệ trắng trong cao (91,88%), tỷ lệ bạc bụng thấp (0,7-7,0%), thuộc nhóm gạo trắng hạt dài, mùi thơm nhẹ. Cơm trắng, dẻo, bóng, thơm và rất ngon.

II. Kỹ thuật sản xuất

1. Thời vụ gieo trồng:

Vụ xuân: Gieo mạ từ ngày 25/1- 10/2.

Vụ mùa: Gieo mạ từ ngày 20/5-15/6.

2. Gieo cấy:

- Lượng giống khuyến cáo sử dụng từ 25 - 30 kg/ha.

- Ngâm hạt giống 12-16 giờ (vụ mùa hoặc khi nhiệt độ cao); 18-24 giờ (vụ xuân hoặc khi nhiệt độ thấp), 5-6 giờ thay nước, rửa chua một lần. Xả sạch không còn mùi chua, để ráo nước rồi ủ. Khi rễ dài bằng hạt thóc, mầm dài bằng 1/3-1/2 hạt thóc thì gieo.

- Mạ gieo thưa đảm bảo đánh dành, có ngành trê. Tuổi mạ cấy: 2,5 - 3 lá.

Lưu ý: Che phủ nilon cho luống mạ trong vụ Xuân.

- Mật độ cấy khuyến cáo từ 25-30 khóm/m², tùy điều kiện cụ thể. Cây nông tay, 1-2 dảnh/khóm. LY2099 đẻ nhánh rất khoẻ, phù hợp cấy máy ở mật độ thấp khoảng 22 khóm/m², lưu ý chăm sóc để lúa đẻ sớm.

3. Chăm sóc:

- Giữ đủ nước, bón phân sớm cho lúa đẻ sớm, tập trung.

- Bón phân: Lượng phân bón cho 1 ha, Phân chuồng: 10 tấn; Super Lân: 500-550 kg; Kali Clorua: 180-200kg; Đạm Urê: 180-200 kg (áp dụng cho vụ xuân) và Đạm Urê: 170-190 kg (áp dụng cho vụ mùa).

Bón lót toàn bộ lượng phân chuồng, phân Lân, phân Đạm 30%, phân Kali 20%. Bón thúc lần 1 sau khi lúa bén rễ hồi xanh: 50% phân Đạm, 30% phân Kali. Bón thúc lần 2 khi lúa đứng cái, làm đồng bằng lượng phân Đạm và Kali còn lại.

Chú ý: Giống luôn có bộ lá màu xanh vàng, tránh lạm dụng phân Đạm. Bón phân cân đối, đủ Kali để hạn chế sâu bệnh hại. Nếu sử dụng phân bón tổng hợp NPK hoặc loại khác, nên tính toán lượng bón phù hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Phòng trừ sâu bệnh: Tưới nước theo yêu cầu sinh lý của cây lúa và thực tế đồng ruộng. Thường xuyên kiểm tra sâu bệnh, khi thấy các đối tượng gây hại, áp dụng các biện pháp phòng trừ theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Phun thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng.

4. Thu hoạch: Gặt kịp thời khi có khoảng 85-90% số hạt/bông đã chín. Phơi khô đến độ ẩm 14%. Giống có hạt gạo dài, không nên phơi khô quá sẽ làm gãy hạt gạo, ảnh hưởng chất lượng xay xát.

HƯỚNG DẪN
KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA LAI LP1601
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND
huyện Bạch Thông)

I. Đặc điểm giống

- LP1601 là giống lúa lai F1, có thể gieo cấy được cả 02 vụ/năm.
- Thời gian sinh trưởng: Vụ xuân 130 – 135 ngày; vụ mùa 108 – 110 ngày.
- Chiều cao cây: 100 - 110 cm.
- Năng suất trung bình: 8 – 10 tấn/ha.

II. Kỹ thuật sản xuất

1. Thời vụ

- Vụ xuân: Gieo mạ xung quanh tiết Lập Xuân (04/2), cấy trong tháng 2.
- Vụ Mùa: Gieo mạ đầu tháng 6, cấy xong trong tháng 6.

2. Gieo cấy

- Lượng giống: 20 – 22 kg/ha.
- Xử lý hạt giống bằng nước ấm 3 sôi 2 lạnh (khoảng 54°C), ngâm hạt giống bằng nước sạch vụ xuân ngâm trong khoảng 16 - 24 giờ, thường xuyên thay nước, cách 4 -6 tiếng rửa chua một lần, vụ mùa ngâm giống từ 12 -16 tiếng.

- Ủ giống : Ủ giống bằng bao vải, túi lưới , thúng để thoát nước. Vụ xuân ủ ấm ngay từ đầu, vụ mùa ủ kín để nơi thoáng mát, không được đọng nước. Trong quá trình ủ cần duy trì độ ẩm, tưới nước kịp thời(vụ xuân thời tiết lạnh có thể tưới thêm nước ấm) vụ xuân mầm dài bằng 1/3 hạt thóc có thể đem gieo.

Lưu ý: Che phủ nilon cho luống mạ trong vụ Xuân để chống rét cho mạ.

- Tuổi mạ cấy: Vụ xuân: Cấy khi mạ đạt 2,5 - 3 lá.

Vụ Mùa: Cấy khi mạ được 10 - 12 ngày.

- Mật độ cấy: 26 – 28 khóm/m², 1 -2 dảnh/khóm.

3. Chăm sóc

- Giữ đủ nước, bón phân sớm cho lúa đẻ sớm, tập trung.
- Bón phân: LP1601 là giống lúa chịu thâm canh, để đạt tiềm năng, năng suất cao cần bón phân cân đối, tập trung. Lượng phân bón tùy theo loại đất canh tác.

Lượng phân bón trung bình cho 01 ha:

STT	Loại phân	ĐVT	Lượng phân
1	Phân hữu cơ(đã ủ hoai mục)	kg	9.000 – 10.000
2	phân lân	kg	500 – 550
3	Đạm ure	kg	250 – 300
4	Kali clorua	kg	120 – 160

Cách bón:

Bón lót: Khi bừa cây, bón 100% phân hữu cơ + phân lân.

Bón thúc lần 1: Sau cấy từ 7 -10 ngày khi lúa bén rễ hồi xanh, bón 50% đạm ure + 30% Phân kaly, kết hợp làm cỏ sục bùn đợt 1.

Bón thúc lần 2: Thúc đón đòng khi lúa có khối sơ khởi, bón hết số phân bón còn lại gồm 20% đạm ure, + 70% phân kalyclorea.

Lưu ý : Chủ động tưới tiêu để rễ ăn sâu, hút được nhiều dinh dưỡng, chuyển hóa giai đoạn tốt, để nhánh nhanh, trổ và chín tập trung.

- Phòng trừ sâu bệnh hại: Thường xuyên thăm đồng, kiểm tra phát hiện sớm sâu bệnh hại, áp dụng các biện pháp phòng trừ theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn địa phương, thực hiện nguyên tắc 4 đúng, để giảm chi phí, đảm bảo năng xuất, và bảo vệ môi trường.

4. Thu hoạch: Gặt kịp thời khi có khoảng 85-90% số hạt/bông đã chín. Phơi khô đến độ ẩm 14%./.

HƯỚNG DẪN
KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA SYN98
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND
huyện Bạch Thông)

I. Nguồn gốc và đặc điểm giống

Giống lúa SYN98 là giống lúa lai 3 dòng do Công ty TNHH Syngenta Việt Nam chọn tạo. Đây là giống có dạng hình đẹp, đẻ nhánh khoẻ, chống đổ khá tốt, bông to, nhiều hạt, khối lượng 1000 hạt 27-30g. Thời gian sinh trưởng giao động 123-139 ngày trong vụ Xuân (Đông xuân); từ 105-109 ngày trong vụ mùa tương đương giống Nhị ưu 838. Giống có khả năng chịu rét và chống chịu bệnh đạo ôn, bạc lá, rầy nâu tốt. Năng suất trung bình trong vụ xuân từ 77,6 tạ/ha và vụ mùa 69,9 tạ/ha.. Hạt gạo thon dài 7mm, trong và cơm mềm.

II. Kỹ thuật sản xuất

1. Thời vụ

- Vụ xuân: Gieo mạ từ ngày 01 - 05/2 cấy trong tháng 2.
- Vụ Mùa: Gieo mạ từ ngày 01 - 05/7 cấy trong tháng 7. Có thể làm mùa sớm gieo mạ từ 05 – 25/6 cấy tuổi mạ 10 - 15 ngày.

2. Gieo cấy

- Lượng giống: 25 – 30 kg/ha.
- Ngâm ủ giống: Ngâm 18 - 24 giờ (vụ Xuân); 12 -16 giờ (vụ Mùa). Cứ 6 giờ thay nước rửa chua một lần, xả sạch không còn mùi chua, để ráo nước rồi ủ. Khi mầm dài 1/3 hạt thóc thì gieo. Gieo thưa 1kg hạt giống trên 5m² mạ sân hoặc 25m² mạ được để cấy mạ khỏe, đẻ nhánh sớm. Đất gieo mạ phải được cày bừa kỹ, nhuyễn, bừa bằng phẳng và sạch cỏ dại.

Làm luống rộng 1,2-1,4m; rãnh sâu 20cm, rộng 20-25cm. Mặt luống phải bằng phẳng, không đọng nước.

Lưu ý: Che phủ nilon cho luống mạ trong vụ Xuân.

- Tuổi mạ cấy:

Vụ xuân: Cấy khi mạ đạt 2,5 - 3 lá.

Vụ Mùa: Cấy khi mạ được 10 - 12 ngày.

- Đối với đất trung bình khuyến cáo cấy 30 - 35 khóm/m². Cấy nông tay, 1-2 dảnh/khóm. Sau cấy 10-12 ngày cần cấy dặm nếu có hiện tượng mất khóm. Cũng có thể áp dụng phương thức cấy máy nhưng phải làm mạ khay theo yêu cầu của đơn vị cung cấp máy cấy yêu cầu.

3. Chăm sóc

- Giữ đủ nước, bón phân sớm cho lúa đẻ sớm, tập trung.

- Bón phân: Tùy theo độ phì của đất, tình trạng sinh trưởng của cây mà điều chỉnh lượng phân cho phù hợp. Ngoài ra, cần tuân theo khuyến cáo của địa phương. Trên chân đất trung bình, có thể tham khảo cách bón sau (kg/ha):

Loại phân	ĐVT	Lượng phân
Phân chuồng (hoai mục)	Kg	8.000 - 10.000
Phân lân super	Kg	400 - 450
Phân đạm Ure	Kg	200 - 250
Phân kali clorua	Kg	180 - 220

Cách bón:

+ Bón lót: Toàn bộ phân chuồng, phân lân, 30% phân đạm + 20% kali.
 + Bón thúc đợt 1: Sau cấy 7- 10 ngày khi lúa bén rễ hồi xanh, bón 50% phân đạm và 40% phân kali.

+ Bón thúc đợt 2: Khi lúa có khối sơ khởi, bón toàn bộ lượng phân còn lại.

Chú ý: Đối với phân tổng hợp cần tuân theo khuyến cáo của Nhà sản xuất.

- Tưới nước: Thường xuyên giữ nước ở mức 3-5 cm trong vòng 20 ngày đầu sau cấy. Khi lúa đẻ nhánh tối đa (sau cấy 40-45 ngày) có thể tháo kiệt nước đến khi nứt nẻ chân chim thì cho nước vào, sau đó giữ nước 4-5cm suốt giai đoạn làm đòng. Khi chín sữa thì tháo cạn và chỉ giữ đủ ẩm. Tháo cạn nước hoàn toàn 5-7 ngày trước khi thu hoạch.

- Phòng trừ sâu bệnh: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để phát hiện sớm và phòng trừ kịp thời. Tham khảo ý kiến của các đơn vị chuyên môn địa phương trong quản lý, phòng trừ dịch hại...

Lưu ý:

+ Đọc kỹ hướng dẫn ghi trên nhãn các loại thuốc BVTV trước khi sử dụng.
 + Tuân thủ nguyên tắc 4 đúng để phát huy tối đa hiệu quả phòng trừ dịch hại góp phần bảo vệ môi trường.

+ Không sử dụng hạt giống làm thức ăn cho người và vật nuôi.

+ Thu hoạch khi lúa chín 85%.

+ Phơi hoặc hong khô ngay, không phơi quá mỏng lúc nắng gắt.

+ Xay sát khi độ ẩm hạt khoảng 14% để có tỷ lệ gạo nguyên cao.

+ Không dùng hạt lúa thương phẩm (lúa thịt) để làm giống.

4. Thu hoạch: Gặt kịp thời khi có khoảng 85-90% số hạt/bông đã chín. Phơi khô đến độ ẩm 14%/.

HƯỚNG DẪN
KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA LAI ĐẠI DƯƠNG 1
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND
huyện Bạch Thông)

I. Đặc điểm, nguồn gốc giống

Giống lúa lai ba dòng Đại Dương 1 có nguồn gốc từ tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

- Thời gian sinh trưởng:

+ Vụ xuân: 125 - 130 ngày

+ Vụ mùa: 105 - 110 ngày

- Năng suất TB: 75- 80 tạ/ha, thâm canh cao có thể đạt 9 tấn/ha.

- Khối lượng P₁₀₀₀ hạt đạt 28 gram.

- Khả năng đẻ nhánh khỏe, tập trung, thích hợp trên chân đất vằn, vằn chũng.

- Khả năng chống đổ, chịu rét tốt, chống chịu tốt với một số loại sâu bệnh hại chính.

- Bông dài, trổ tập chung và thoát cỏ bông nhanh, tỷ lệ hạt chắc cao.

- Hạt gạo trong, dài, ít bạc bụng. Cơm trắng, mềm, dẻo khô, có mùi thơm nhẹ.

II. Kỹ thuật sản xuất

1. Thời vụ

Vụ xuân: Gieo mạ từ ngày 01 - 05/2 cấy trong tháng 2.

Vụ mùa: Gieo mạ từ ngày 10/6 – 20/6, cấy cuối tháng 6, đầu tháng 7.

2. Gieo cấy

- Lượng giống: 25 – 30 kg/ha.

- Thời gian ngâm: Nếu thời tiết ấm 25- 30°C ngâm từ 12 đến 14 tiếng, nếu thời tiết lạnh 15- 20°C ngâm từ 18 đến 24 tiếng, khi ngâm cứ 6- 8 tiếng thay nước một lần. Khi hạt thóc no nước thì đem đãi sạch, để ráo nước rồi đem ủ (*không ủ trong bao tải đũa hoặc túi nilon*), trong quá trình ủ thường xuyên kiểm tra giữ đủ ẩm, đủ ấm.

- Khi mầm dài bằng 1/2 hạt thóc thì đem gieo.

Lưu ý: Che phủ nilon cho luống mạ trong vụ Xuân.

- Tuổi mạ cấy:

Vụ xuân: Cấy khi mạ đạt 2,5 - 3 lá.

Vụ Mùa: Cấy khi mạ được 10 - 12 ngày.

- Cấy 35- 40 khóm/m², cấy 1- 2 danh/khóm, cấy nông tay

3. Chăm sóc:

- Tưới nước theo yêu cầu sinh lý của cây lúa và thực tế đồng ruộng. Giữ đủ nước, bón phân sớm cho lúa đẻ sớm, tập trung.

- Phân Bón: Tính cho 01 ha

Loại phân	ĐVT	Lượng phân
Phân chuồng (hoai mục)	Kg	8.000 - 10.000
Phân lân super	Kg	400 - 450
Phân đạm Ure	Kg	200 - 250
Phân kali clorua	Kg	180 - 220

Chú ý: Vụ mùa lượng đạm giảm 10– 15%, tăng lượng kali 10 – 15%.

+ Bón lót: Toàn bộ phân chuồng, phân lân, 30% phân đạm + 20% kali.

+ Bón thúc đợt 1: Sau cấy 7- 10 ngày khi lúa bén rễ hồi xanh, bón 50% phân đạm và 40% phân kali.

+ Bón thúc đợt 2: Khi lúa có khối sơ khởi, bón toàn bộ lượng phân còn lại.

- Phòng trừ sâu bệnh: Thường xuyên kiểm tra sâu bệnh, khi thấy các đối tượng gây hại, áp dụng các biện pháp phòng trừ theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Phun thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng.

4. Thu hoạch: Gặt kịp thời khi có khoảng 85-90% số hạt/bông đã chín. Phơi khô đến độ ẩm 14%. Giồng có hạt gạo dài, không nên phơi khô quá sẽ làm gãy hạt gạo, ảnh hưởng chất lượng xay xát./.

HƯỚNG DẪN
KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG NGÔ SINH KHỐI NK 7328
(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND
huyện Bạch Thông)

I. Đặc điểm, nguồn gốc giống

NK7328 là một giống cứng cây, chống đổ tốt giúp thuận tiện cho việc thu hoạch thủ công cũng như cơ giới. Nhờ vào kích thước cao to và khối lượng thân lá lớn nên năng suất sinh khối của giống này rất cao, đặc biệt ở những khu vực thâm canh tốt. Giống ngô NK7328 có đặc tính kháng một số loại bệnh như đốm lá lớn, đốm lá nhỏ... nên bộ lá xanh bền đến khi thu hoạch, điều này giúp gia tăng chất lượng nguyên liệu thức ăn. Đây cũng là giống kết hạt tốt, hạt phủ kín cùi giúp gia tăng hàm lượng dinh dưỡng cho nguyên liệu ủ urop

II. Kỹ thuật sản xuất

1. Thời vụ

Giống ngô NK 7328 thích hợp gieo trồng ở các vụ Xuân, Thu, Đông, tránh khung thời vụ mà thời điểm trở cờ phun râu trùng với thời tiết quá nóng (trên 35⁰C) hoặc quá lạnh (dưới 15⁰ C), với vụ Đông cần xuống giống trước 25/9.

2. Gieo trồng

- Mật độ: Đối với giống NK 7328 trồng với mật độ 75.000 – 80.000 cây/ ha sẽ cho năng suất sinh khối và hiệu quả kinh tế cao nhất.

- Khoảng cách: Hàng cách hàng, cây cách cây 70cm x 19cm; 65cm x 20cm; 60cm x 22cm (Tùy vào điều kiện canh tác, phương tiện gieo trồng mà lựa chọn khoảng cách cho phù hợp).

- Gieo hạt: Thời điểm gieo hạt phù hợp là khi độ ẩm đất đạt 70-75%, nhiệt độ 25- 30⁰C. Độ sâu gieo hạt từ 4- 6cm.

3. Bón phân và chăm sóc

Lượng phân bón: Tính cho 01 ha

Loại phân	ĐVT	Lượng phân
Phân chuồng	Kg	5.000 – 10.000
Đạm urea	Kg	320
Super lân	Kg	360
Kali clorua	Kg	170

Có thể dùng các loại phân NPK tổng hợp nhưng hàm lượng đạm, lân, kali phải tương đương với công thức trên.

Cách bón:

- Bón lót: Bón lót toàn bộ phân chuồng (phân hữu cơ) + toàn bộ phân lân + 1/3 đạm. Bón sâu hơn hoặc cách hạt giống 5cm.

- Bón thúc lần 1: Lúc cây có 3-4 lá thật, bón 1/3 đạm + 1/2 kali

- Bón thúc lần 2: Lúc cây có 7- 9 lá thật, bón nốt lượng phân còn lại

Quản lý nước: Đảm bảo đủ ẩm ở các giai đoạn cây con (3- 5 lá), xoáy nõn (10- 12 lá), đặc biệt là trước và sau trổ cờ phun râu 2 tuần. Tránh ngập úng kéo dài (quá 48h) đặc biệt là giai đoạn cây con trước khi cây được 6 lá.

Phòng trừ sâu bệnh

- Trừ sâu xám: Xử lý hạt giống bằng Cruiser Plus 312.5 FS trước khi gieo. Liều lượng 2m/kg hạt giống.

- Trừ sâu keo mùa thu: Phun Proclaim 1.9EC hoặc Match 050EC với liều lượng 600 – 900ml thuốc/ha, lượng nước 500 L/ha, phun khi xuất hiện các vết xo trắng đầu tiên hoặc khi tỷ lệ nhiễm trên ruộng đạt 5%.

- Trừ sâu đục thân và rầy rệp: Phun Virtako 40WG với liều lượng 45 – 75 gr/ha. Phun khi bướm rộ hoặc rầy rệp mới xuất hiện.

- Bệnh khô vằn, đốm lá lớn, rỉ sắt: Phun Amistar Top 325SC hoặc Tilt Super 300EC với liều lượng 0.3 – 0.5 L/ha.

4. Thu hoạch

Thu hoạch vào thời điểm ngô chín sáp, tương đương với giai đoạn 30- 35 ngày sau khi ngô trổ cờ được 50%/.